

CHỦ THỂ CỦA TỘI PHẠM QUA SO SÁNH PHÁP LUẬT HÌNH SỰ NƯỚC TA VỚI PHÁP LUẬT HÌNH SỰ CỦA MỘT SỐ NƯỚC THUỘC HỆ THỐNG PHÁP LUẬT CHÂU ÂU LỤC ĐỊA

*Hồ Sỹ Sơn**

Trong bối cảnh quan hệ hợp tác quốc tế giữa nước ta với các nước khác trên thế giới ngày càng mở rộng thì nhu cầu tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp về tội phạm và hình phạt cũng như kỹ thuật lập pháp về chúng của các quốc gia khác nhau trên thế giới càng trở nên cấp thiết. Việc xây dựng và hoàn thiện luật pháp hình sự cần được tiến hành trên cơ sở tính tới tổng thể những nhân tố khách quan, chủ quan, trong đó thông tin về kinh nghiệm lập pháp của nước ngoài trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội mà trong lĩnh vực luật hình sự là quan hệ giữa nhà nước và cá nhân người phạm tội khi người đó thực hiện một tội phạm, là nhân tố quan trọng. Bài viết dưới đây phân tích so sánh các quy định trong Bộ luật Hình sự nước ta và trong các Bộ luật Hình sự của các nước thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa mà cụ thể là Cộng hoà Tây Ban Nha, Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức về chủ thể của tội phạm, nhằm mục đích góp phần hoàn thiện Bộ luật Hình sự nước ta.

1. Các dấu hiệu pháp lý của chủ thể của tội phạm

Nói đến chế định tội phạm, không thể không nói đến chủ thể của tội phạm mà trước hết là nói đến độ tuổi để một người bị coi là chủ thể của tội phạm.

Theo Bộ luật Hình sự của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ thể của tội phạm là cá nhân; cá nhân này phải đủ độ tuổi luật định và cá nhân này phải có năng lực trách nhiệm hình sự. Điều 12 của Bộ luật Hình sự năm 1999 của nước ta quy định rằng “người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; người từ đủ 14 tuổi trở lên đến chưa đủ 16 tuổi phải chịu

trách nhiệm về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Trong khi đó, nhà làm luật Cộng hoà Liên bang Đức có cách tiếp cận khác đối với độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự của cá nhân. Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà Liên bang Đức không quy định tuổi chịu trách nhiệm hình sự như Bộ luật Hình sự nước ta quy định, mà quy định độ tuổi không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Theo Điều 55.19 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức, người không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự là người khi thực hiện tội phạm chưa đủ 14 tuổi. Cần lưu ý rằng, cụm từ “Độ tuổi không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự” cũng được sử dụng rộng rãi trong sách báo khoa học pháp lý hình sự. Tuy nhiên, bản thân phạm từ “độ tuổi không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự” chỉ phản ánh được tiêu chí y học cho phép khẳng định ít nhất là trong con người thực hiện hành vi trái pháp luật có “độ lệch” nhất định về mặt tâm lý, rằng ở vào độ tuổi đó, con người không nhận thức được tính chất của hành vi (hoặc) không điều khiển được hành vi, không phải do mắc bệnh tâm thần mà là do độ tuổi của cá nhân. Do vậy, có thể thấy rằng, bản thân phạm từ “Độ tuổi không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự” được sử dụng để xác định độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự là không hoàn toàn chính xác.

Ở nước Pháp, vấn đề trách nhiệm hình sự của người chưa thành niên được quy định trong Đạo luật “Về vi phạm pháp luật của người chưa thành niên” được ban hành ngày 02 tháng 02 năm 1945. Còn tại Điều 122-8 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Pháp nhà làm luật quy định rằng những người chưa thành niên khi phạm tội có độ tuổi trên 13 tuổi trở lên chỉ

* TS. Luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật.

bị áp dụng các biện pháp có tính chất phòng ngừa, giúp đỡ; các biện pháp giám sát và các biện pháp cưỡng chế mang tính giáo dục.

Qua đối chiếu phân tích các cách tiếp cận giải quyết vấn đề về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự được thể hiện trong pháp luật hình sự nước ta và các nước châu Âu lục địa, chúng ta thấy mặc dù cách tiếp cận khác nhau về giới hạn tuổi chịu trách nhiệm, song đều giống nhau ở chỗ chỉ rõ giới hạn tuổi thấp nhất mà một người khi thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự. Điều đó cho thấy có sự giao thoa tiếp nhận các giá trị pháp lý của nhau trong các hệ thống pháp luật mà chúng ta đang phân tích.

Nói đến các dấu hiệu chủ thể của tội phạm không thể không nói đến năng lực trách nhiệm hình sự của chủ thể bởi đây là dấu hiệu quan trọng không thể thiếu được của chủ thể của tội phạm.

Xét từ góc độ pháp luật, năng lực trách nhiệm hình sự là khái niệm có nhiều mặt. Một mặt, khái niệm này được dùng để khẳng định khả năng bị buộc tội của một con người về hành vi tội phạm mà họ thực hiện. Mặt khác, khái niệm này nêu bật khả năng của con người phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà họ đã thực hiện.

Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quy định thế nào là năng lực trách nhiệm hình sự mà chỉ xác định nó thông qua quy định về tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự. Theo khoản 1 Điều 13 Bộ luật Hình sự năm 1999, người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc một bệnh lý khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình, thì không phải chịu trách nhiệm hình sự; đối với người này, phải áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Khoản 2 Điều luật này cũng quy định rằng người phạm tội trong khi có năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng đã lâm vào tình trạng quy định tại khoản 1 Điều luật này trước khi bị kết án thì cũng được áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh. Sau khi khỏi bệnh, người đó có thể

phải chịu trách nhiệm hình sự. Đối với trường hợp phạm tội trong tình trạng say rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, Điều 14 Bộ luật Hình sự nước ta quy định rằng, người phạm tội trong tình trạng say rượu hoặc chất kích thích mạnh khác thì vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trong hệ thống pháp luật quốc gia của các nước châu Âu lục địa như Cộng hoà Tây Ban Nha, Cộng hoà Pháp, Cộng hoà Liên bang Đức... tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự được quy định là một trong những cơ sở của việc miễn trách nhiệm hình sự. Chẳng hạn, theo Điều 21 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha, thì một người không bị truy cứu trách nhiệm hình sự:

+ Khi thực hiện hành vi tội phạm do bị rối loạn tâm thần không thể nhận thức được tính trái pháp luật của hành vi của mình hoặc không thể điều khiển được hành vi mà mình thực hiện;

+ Bị mắc bệnh rối loạn thần kinh từ lúc sinh ra hoặc từ ngày còn bé làm mất khả năng nhận thức thực tiễn;

Như vậy, điểm đáng lưu ý là Bộ luật Hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha ghi nhận hai dạng bệnh: Bệnh tâm thần và bệnh rối loạn thần kinh là những dạng bệnh cho phép loại trừ trách nhiệm hình sự đối với người mắc phải khi thực hiện hành vi tội phạm. Dĩ nhiên đối với loại bệnh rối loạn thần kinh thì người mắc bệnh phải mắc nó từ lúc sinh ra hoặc từ lúc bé. Có thể nói cách quy định này cho phép xử lý chính xác đối với những trường hợp bị bệnh rối loạn thần kinh khi mà căn bệnh này có thể biểu hiện rất đa dạng và rất khó xác định.

Cũng tương tự, Điều 122 -1 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Pháp quy định rằng người thực hiện hành vi ở vào thời điểm mắc bệnh rối loạn tâm thần hoặc bị tổn thương hệ thần kinh làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự.

Trong khi đó, Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức có cách tiếp cận hơi khác về vấn đề năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

Theo Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức, hành vi trái pháp luật của người không có năng lực chịu trách nhiệm hình sự do rối loạn tâm thần được coi là hành vi không có lỗi. Theo Điều 20 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức, hành vi không có lỗi là hành vi của người thực hiện do mắc bệnh rối loạn tâm thần, do ý thức bị tổn thương nghiêm trọng, do bị suy nhược về trí tuệ hoặc do bị sai lệch nghiêm trọng khác về tâm thần làm mất khả năng nhận thức được tính trái pháp luật của hành vi hoặc thực hiện một cách có ý thức hành vi trái pháp luật đó. Phân tích quy định trên đây của Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức, có thể thấy nhà làm luật mô tả thời điểm của yếu tố ý chí trong tiêu chí tâm lý của tình trạng không có năng lực trách nhiệm hình sự là không hoàn toàn chính xác vì rằng thuật ngữ “thực hiện một cách có ý thức hành vi trái pháp luật” và thuật ngữ “làm mất khả năng điều khiển hành vi” (như đã ghi nhận trong Bộ luật Hình sự nước ta) là không cùng một nghĩa. Một người có thể nhận thức được tính trái pháp luật của hành vi của mình nhưng do sự biến dạng của tâm lý (của ý chí) mà không ở trong trạng thái điều khiển được hành vi đó.

Đối với vấn đề về năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế, Bộ luật Hình sự nước ta và các Bộ luật Hình sự của một số nước châu Âu lục địa như Cộng hoà Pháp, Cộng hoà liên bang Đức có cách tiếp cận khá giống nhau. Năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế là biểu hiện của trạng thái tâm lý mà ở vào trạng thái đó người thực hiện hành vi chỉ nhận thức được một phần nào đó tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của mình hoặc chỉ điều khiển được một phần nào đó hành vi của mình. Bị quyết định bởi căn bệnh tâm thần của người thực hiện hành vi vốn làm suy giảm (hạn chế) khả năng nhận thức (yếu tố lý trí) và khả năng điều khiển (yếu tố ý chí) của người đó, năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế không thể không ảnh hưởng đến mức hình phạt được áp dụng. Do vậy theo điểm n khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tình tiết “người phạm tội là người

bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự”. Tương tự, Điều 122-1 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Pháp cũng quy định người thực hiện hành vi trong khi đang bị rối loạn tâm thần hoặc thần kinh làm giảm khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình phải chịu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, Tòa án cần nhắc tình tiết này để xác định mức hình phạt để áp dụng và trình tự (thủ tục) thi hành hình phạt đó.

Thuật ngữ “năng lực trách nhiệm hình sự bị suy giảm” (hạn chế) cũng được sử dụng trong Bộ luật Hình sự Cộng hoà liên bang Đức. Theo Điều 21 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức, người phạm tội có thể được áp dụng hình phạt nhẹ nếu họ thực hiện tội phạm trong khi bị rối loạn tâm thần, mắc chứng động kinh nghiêm trọng, bị thiếu năng về trí tuệ làm giảm khả năng nhận thức hoặc khả năng điều chỉnh hành vi của mình. Như vậy, tình trạng năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế được Bộ luật Hình sự Cộng hoà Liên bang Đức coi là tình tiết giảm nhẹ đặc biệt trách nhiệm hình sự. Cần lưu ý rằng trong Bộ luật Hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha không có quy định về năng lực trách nhiệm hình sự hạn chế.

Về vấn đề trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện hành vi tội phạm trong tình trạng say rượu hoặc chất kích thích mạnh khác, Điều 14 Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, như đã nhấn mạnh, quy định rằng người phạm tội trong tình trạng say rượu hoặc chất kích thích mạnh khác vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự. Luật hình sự nước Cộng hoà Pháp và Luật hình sự Cộng hoà liên bang Đức có cách tiếp cận giống với cách tiếp cận của Luật hình sự nước ta về trách nhiệm hình sự của người thực hiện hành vi tội phạm trong tình trạng say rượu hoặc chất kích thích mạnh khác. Riêng Luật hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha lại có cách tiếp cận riêng của mình.

Ở Cộng hoà Pháp cũng như ở Cộng hoà Liên bang Đức, việc thực hiện tội phạm

trong tình trạng say rượu cũng không được coi là tình tiết miễn truy cứu trách nhiệm hình sự mặc dù các Bộ luật Hình sự của các nước này không quy định trực tiếp điều đó. Ngược lại, theo Bộ luật Hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha, tình trạng say rượu hay chất kích thích mạnh khác là tình tiết miễn trách nhiệm hình sự. Theo Điều 21 Bộ luật Hình sự Cộng hoà Tây Ban Nha, người thực hiện hành vi tội phạm trong tình trạng say rượu hay các chất kích thích mạnh khác và không chủ tâm thực hiện hành vi tội phạm trong tình trạng đó, hoặc không thể thấy trước khả năng thực hiện nó cũng như do tác động của những chất đó mà không nhận thức hoặc điều khiển hành vi của mình thì không phải chịu trách nhiệm hình sự. Cách quy định này của nhà làm luật Cộng hoà Tây Ban Nha có thể nói là quá cụ thể vì đã nêu cả những tiêu chuẩn y học cả những tiêu chuẩn tâm lý của tình trạng say. Song điều đáng nói, Cộng hoà Tây Ban Nha là một trong số rất ít các quốc gia không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người thực hiện tội phạm trong tình trạng say. Điều này chắc chắn là không hợp lý nếu nhìn từ góc độ đấu tranh, phòng ngừa và chống tội phạm.

2. Pháp nhân – Chủ thể của tội phạm

Nói đến chủ thể của tội phạm, nhìn từ góc độ so sánh các hệ thống pháp luật nước ta và các nước châu Âu lục địa không thể không nói đến một chủ thể đã được pháp luật một số nước thừa nhận song pháp luật hình sự của một số nước lại không thừa nhận là chủ thể của tội phạm, đó là pháp nhân.

Pháp luật hình sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thừa nhận pháp nhân là chủ thể của tội phạm. Do vậy trong Bộ luật Hình sự không có các quy định quy định hình phạt đối với pháp nhân. Cách tiếp cận tương tự cũng được thể hiện trong Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà Tây Ban Nha, Cộng hoà Liên bang Đức. Trong khi đó, theo luật hình sự Cộng hoà Pháp, pháp nhân (tổ chức) cũng là chủ thể của tội phạm. Theo Điều 121-2 Bộ luật Hình sự, trừ Nhà nước, tất cả các pháp nhân đều phải chịu trách nhiệm hình sự đối với những trường hợp mà Bộ luật Hình sự đã quy định về những hành

vi tội phạm mà cơ quan hoặc người đại diện thực hiện vì lợi ích của chúng.

Trách nhiệm hình sự của pháp nhân không loại trừ trách nhiệm hình sự của thể nhân (cá nhân) với tư cách là người thực hành hoặc người đồng phạm. Ví dụ, cá nhân (thể nhân) phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò của người trực tiếp thực hiện tội trộm cắp tài liệu bí mật công nghiệp được cất giữ tại văn phòng Công ty theo đề nghị có trả tiền của tập đoàn cạnh tranh và pháp nhân (tổ chức) phải chịu trách nhiệm hình sự với tư cách là người đồng phạm với người thực hiện tội phạm đó.

Theo Bộ luật Hình sự Cộng hoà Pháp, trong số những tội phạm mà các pháp nhân (tổ chức) là chủ thể của tội phạm, có:

- Các tổ chức tư nhân hoạt động vì lợi nhuận (các tập đoàn thương mại, các doanh nghiệp tư nhân, các liên hiệp xí nghiệp tư nhân sản xuất kinh doanh...);

- Các tổ chức tư nhân hoạt động không vì lợi nhuận (các hiệp hội chính trị, các đảng phái, các liên hiệp, các tổ chức công đoàn, các tổ chức đại diện của những người làm công tác phục vụ...);

- Các tổ chức pháp lý - công quyền, trừ Nhà nước¹.

Danh mục các hành vi tội phạm mà tổ chức phải chịu trách nhiệm hình sự khi thực hiện chúng là có giới hạn. Phân tích Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà Pháp chúng ta thấy, pháp nhân (tổ chức) phải chịu trách nhiệm hình sự về các tội phạm sau đây:

- Tội giết người, tội diệt chủng;
- Tội vô ý làm chết người, tội vô ý gây thương tích (ví dụ hậu quả chết người hoặc gây thương tích do tai nạn lao động, tội gây sự cố đe dọa tính mạng con người);
- Tội rửa tiền, tội trộm cắp, tội tống tiền, tội lừa đảo, tội lạm dụng tín nhiệm, tội làm hỏng mạng máy tính;

¹ Xem cụ thể hơn: Nước Pháp: Tư Pháp, Tập "các tài liệu thông tin và giáo trình của Nga và Pháp", 1995, N°38, tr.80 -82 (Tiếng Nga)

- Tội phân biệt chủng tộc, tội tạo ra các điều kiện lao động hoặc các điều kiện sống xúc phạm nhân phẩm con người;
- Tội gián điệp, tội khủng bố, tội tham nhũng, tội phá hoại, tội làm tiền giả;
- Các tội phạm về môi trường.

Theo Bộ luật Hình sự nước Cộng hoà Pháp, pháp nhân phạm tội chưa đạt cũng như thực hiện tội phạm với tư cách đồng phạm cũng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Nếu thực hiện tội phạm, pháp nhân (tổ chức) bị áp dụng các loại hình phạt sau đây:

1. Phạt tiền với mức phạt gấp 5 lần mức phạt áp dụng đối với cá nhân;
2. Chấm dứt hoạt động (giải thể). Hình phạt này được áp dụng trong trường hợp pháp nhân thực hiện tội phạm mà nếu cá nhân thực hiện nó sẽ bị phạt tù trên 5 năm;
3. Cấm tất cả các dạng hoạt động hoặc cấm một số dạng hoạt động nghề nghiệp hoặc xã hội (Cấm vĩnh viễn hoặc không quá 5 năm);
4. Đặt dưới sự giám sát của Toà án trong thời hạn không quá 5 năm;
5. Đóng cửa hoạt động một hoặc một số chi nhánh của pháp nhân (đóng cửa hoạt động vĩnh viễn hoặc không quá 5 năm);
6. Cấm pháp nhân vĩnh viễn hoặc trong thời hạn không quá 5 năm ký kết hợp đồng với các tổ chức của nhà nước;
7. Cấm pháp nhân vĩnh viễn hoặc trong thời hạn không quá 5 năm phân bố các loại giấy tờ có giá trị, vay vốn ngân hàng hoặc quảng cáo hoạt động của mình;
8. Cấm pháp nhân trong thời hạn không quá 5 năm phát hành séc;
9. Tịch thu công cụ, phương tiện phạm tội;
10. Công bố quyết định của Toà án về pháp nhân trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật pháp nhân sẽ bị áp dụng:

1. Phạt tiền với mức phạt gấp 5 lần mức phạt quy định đối với cá nhân thực hiện vi phạm;

2. Cấm pháp nhân trong thời hạn không quá 1 năm phát hành séc;

3. Tịch thu công cụ, phương tiện dùng vào việc vi phạm.

Như vậy, việc so sánh luật hình sự nước ta và luật hình sự các nước châu Âu lục địa cho thấy có hai cách tiếp cận vấn đề trách nhiệm hình sự của pháp nhân (tổ chức). Một số quốc gia không coi pháp nhân là chủ thể của tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Một số quốc gia khác coi pháp nhân là chủ thể của tội phạm, vì vậy pháp nhân có thể bị áp dụng hình phạt trên cơ sở các quy phạm của luật hình sự và danh mục những hành vi trái pháp luật bị áp dụng hình phạt có thể được quy định rõ trong Bộ luật Hình sự.

Mặc dù nhà làm luật nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam không quy định pháp nhân là chủ thể của tội phạm, song trong khoa học pháp lý, các cuộc tranh luận về vấn đề này vẫn còn đang tiếp diễn.

Xét về toàn bộ có thể thấy rằng, việc thừa nhận pháp nhân là chủ thể của tội phạm mặc dù trái với nguyên tắc trách nhiệm cá nhân cũng như nguyên tắc trách nhiệm hình sự theo lỗi và không phù hợp với mục đích của hình phạt, song việc đấu tranh, phòng, chống một số loại tội phạm đặt ra nhu cầu áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý hình sự nhằm ngăn chặn hoạt động gây nguy hại cho xã hội của bất kỳ một nghiệp đoàn hay tổ chức xã hội nào đó, do đó cũng đặt ra nhu cầu nghiên cứu một cách thấu đáo vấn đề về chủ thể của tội phạm là pháp nhân.

Từ những điều phân tích, so sánh trên đây có thể thấy rằng kinh nghiệm lập pháp hình sự của nhà làm luật Cộng hoà Tây Ban Nha về các dạng bệnh lý làm mất năng lực trách nhiệm hình sự của chủ thể của tội phạm cũng như kinh nghiệm lập pháp hình sự của nhà làm luật Cộng hoà Pháp về pháp nhân là chủ thể của tội phạm cần được các nhà làm luật nước ta cân nhắc nhằm hoàn thiện Bộ luật Hình sự hiện hành.